TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THUẬN AN** TỈNH BÌNH DƯƠNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:39/2021/DS-ST
Ngày:12-11-2021
V/v: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và thực hiện nghĩa vụ về tài sản do người chết để lại".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Thu Thảo

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hứa Thanh Hải

2. Bà Trần Ngọc Phương

- ***Thư ký phiên tòa*:** Bà Thái Thị Yến – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Ngọc Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 11 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 312/2020/TLST-DS ngày 07 tháng 12 năm 2020 về việc: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và thực hiện nghĩa vụ về tài sản do người chết để lại", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2021/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 6 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Ông Nguyễn Thanh Đ, sinh năm 1999; địa chỉ: Số 07B/1, khu phố T, phường A, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Võ Quang T, sinh năm 1984; địa chỉ: Số 269, khu phố H, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương, là đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 16/12/2020).

2. *Bị đơn*: Ông Vương Thanh S, sinh năm 1983; địa chỉ: Số 1/94 Tổ 10, khu phố Hòa Lân 2, phường Thuận Giao, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

3.1. Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1944;

3.2. Bà Trần Thị T, sinh năm 1952;

Cùng trú tại địa chỉ: Số 40/3 khu phố Thạnh Lợi, phường An Thạnh, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, ông D, bà T vắng mặt có đơn xin giải quyết vắng mặt;

3.3. Bà Nguyễn Thị T, sinh ngày 18/9/2003; địa chỉ: Số 579 (E/3) ấp Phú Hòa, xã Tân Phú Đông, thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp, vắng mặt có đơn xin giải quyết vắng mặt;

3.4. Bà Lê Kim H, sinh năm 1979; Địa chỉ: Số 86/1A khóm Hòa Khánh, phường 2, thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp, vắng mặt có đơn xin giải quyết vắng mặt;

3.5. Bà Lê Ánh N, sinh năm 1963;

3.6. Bà Vương Thị Tuyết X, sinh năm 1986;

3.7. Bà Vương Thị Tuyết T, sinh năm 1988;

Trú cùng địa chỉ: Số 1/94 Tổ 10, khu phố Hòa Lân 2, phường Thuận Giao, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương; bà N, bà X, bà T vắng mặt có đơn xin giải quyết vắng mặt.

3.8. Bà Mai Thị Thảo Quyên, sinh năm 1981; địa chỉ thường trú: Số 1068 đường Nguyễn Duy Trinh, phường Long Trường, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Địa chỉ liên hệ: Số 1/94 Tổ 10, khu phố Hòa Lân 2, phường Thuận Giao, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương; bà Quyên vắng mặt và có đơn xin giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 16 tháng 11 năm 2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Võ Quang Trực trình bày:

Ông Nguyễn Huy Thanh là cha của ông Nguyễn Thanh Đ, ông Thanh chết ngày 28/12/2016, ông Thanh có cha là ông Nguyễn Văn D, mẹ là bà Trần Thị T, vợ là Lê Kim H (ông Thanh bà H ly hôn ngày 01/12/2015 theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 714/2015/QĐST – HNGĐ của Tòa án nhân dân thị xã Thuận An) ông Thanh có 02 con là Nguyễn Thanh T, Nguyễn Thanh Đ. Ngày 29/9/2015 ông Thanh và ông Vương Văn T có lập tờ cam kết có nội dung như sau: "*Tôi có mượn anh Nguyễn Huy Thanh, sinh năm 1979…., với số tiền 200.000.000 đồng (hai trăm triêu đồng) ngày ký mượn 01/10/2015. Trong hoàn trả thời gian là 04 năm từ ngày mượn là 01/10/2015 đến ngày 01/10/2019 thì tôi Vương Văn T phải hoàn trả lại số tiền nói trên cho ông Nguyễn Huy Thanh. Trong thời gian 04 năm tôi có xảy ra sự cố gì thì con của tôi là Vương Thanh S sinh năm 1983…phải có trách nhiệm hoàn lại số tiền ông Vương Văn T mượn anh Nguyễn Huy Thanh 200.000.000 đ (hai trăm triệu đồng chẵn) lãi suất (3.000.000 đồng chẵn mỗi tháng)…Tôi cam kết đúng ngày 01/10/2019 tôi sẽ hoàn lại số tiền nói trên*". Tờ cam kết có chữ ký tên của người

cho mượn Nguyễn Huy Thanh, người mượn Vương Văn T, người làm chứng Lưu Tấn Thông, người thừa kế trả ông Vương Thanh S. Ngoài ra, mặt sau của tờ cam kết còn có nội dung "*Hôm nay ngày 29/10/2015 tôi tên Vương Văn T sn 1961 có nhận thêm 30.000.000 đồng chẳn viết bằng chữ (ba mươi triệu đồng chẳn) tiền lãi suất mỗi tháng 600.000 đồng mỗi tháng (sáu trăm ngàn đồng)*" nội dung này thể hiện chữ ký của người cho mượn Nguyễn Huy Thanh, người mượn Vương Văn T.

Ngày 25/7/2020, ông Vương Văn T chết, do ông Nguyễn Huy Thanh (người cho mượn) và ông Vương Văn T (người mượn) đều đã chết nên con ông Thanh là ông Nguyễn Thanh Đ khởi kiện yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết buộc ông Vương Thanh S là người thừa kế trả nợ có trách nhiệm trả cho ông Đ (đại diện hàng thừa kế của ông Thanh) số tiền 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng) và những người thừa kế của ông T gồm (Lê Ánh N, Vương Thanh S, Vương Thị Tuyết X, Vương Thị Tuyết T) có trách nhiệm thanh toán cho ông Đ (đại diện hàng thừa kế của ông Thanh) số tiền 30.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, cụ thể: đại diện nguyên đơn yêu cầu những người thừa kế của ông Vương Văn T gồm ông Vương Thanh S, bà Vương Thị Tuyết T và bà Vương Thị Tuyết X có trách nhiệm liên đới trả cho ông Nguyễn Thanh Đ (đại diện hàng thừa kế của ông Nguyễn Huy Thanh) số tiền 230.000.000 đồng.

Bị đơn ông Vương Thanh S trình bày:

Ông Vương Thanh S là con của ông Vương Văn T, ông T chết ngày 25/7/2020, cha ông T là Phan Văn Út (ông Út chết trước ông T), mẹ là bà Vương Thị Nhẹ, chết năm 2014. Vợ ông Vương Văn T là bà Lê Ánh N (ông T và bà N ly hôn ngày 09/12/2015 theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 736/2015/QĐST – HNGĐ của Tòa án nhân dân thị xã Thuận An), ông T có 03 người con Vương Thanh S, Vương Thị Tuyết X và Vương Thị Tuyết T. Tại tờ cam kết ngày 29/9/2015 thể hiện nội dung ông T có mượn của ông Thanh số tiền 200.000.000 đồng, thời hạn trả là 04 năm thì ông S có biết và ông S có ký tên vào vị trí người thừa kế trả nợ, việc giao tiền ông Thanh giao trực tiếp cho ông T. Riêng số tiền 30.000.000 đồng theo nội dung ngày 29/10/2015 ông S không biết. Trước khi chết ông T đã thanh toán cho ông Thanh toàn bộ số nợ theo tờ cam kết, việc trả nợ không có giấy tờ gì. Đối với số tiền lãi ông T là người trực tiếp thanh toán cho ông Thanh, lãi suất căn cứ theo cam kết, ông S không rõ là bao nhiêu. Hiện nay ông S không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Đ (người thừa kế của ông Thanh).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn D, bà Trần Thị T trình bày:

Ông D, bà T là cha mẹ của ông Thanh, ông Thanh chết năm 2016. Trước khi ông Thanh chết có cho ông T vay số tiền 230.000.000 đồng, nay cả ông Thanh và ông T đều chết, với tư cách là người thừa kế của ông Thanh. Ông D, bà T đề nghị Tòa án xem xét giải quyết buộc ông S và những người thừa kế của

ông T có trách nhiệm thanh toán cho ông Đ (người thừa kế của ông Thanh) số tiền trên. Do đã lớn tuổi nên ông D, bà T yêu cầu được giải quyết vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà T trình bày: Bà Nguyễn Thanh T là con ông Nguyễn Huy Thanh, ông Thanh chết năm 2016. Trước khi ông Thanh chết có cho ông T vay số tiền 230.000.000 đồng, nay cả ông Thanh và ông T đều chết, với tư cách là người thừa kế của ông Thanh. Bà T thống nhất yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đồng thời bà T có đơn xin giải quyết vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Kim H trình bày: Bà và ông Thanh là vợ cH nhưng đã ly hôn ngày 01/12/2015 theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 714/2015/QĐST – HNGĐ của Tòa án nhân dân thị xã Thuận An. Khi ly hôn, giữa ông Thanh và bà H đã thỏa thuận về tài sản chung. Số tiền ông Thanh cho ông T vay là tài sản riêng của ông Thanh, bà H xác định không có công sức đóng góp gì và không liên quan nên đề nghị không tham gia tố tụng, đồng thời bà H có đơn xin giải quyết vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Ánh N trình bày: Bà Lê Ánh N và ông Vương Văn T là vợ cH nhưng đã ly hôn vào ngày 09/12/2015 theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 736/2015/QĐST – HNGĐ của Tòa án nhân dân thị xã Thuận An. Khi ly hôn giữa ông T và bà N chưa giải quyết về tài sản. Ngày 13/7/2020 ông T chết nhưng gia đình chưa thực hiện thủ tục phân chia di sản thừa kế. Bà N cho rằng: việc ông T có vay tiền của ông Thanh hay không thì bà không biết vì ông T vay tiền để sử dụng cá nhân ông T, thời điểm đó bà và ông T đang làm thủ tục ly hôn. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà có ý kiến như sau: Khoản vay theo đơn kiện đã hết thời gian 04 năm từ ngày 01/10/2019 và trong suốt thời gian này nguyên đơn không liên hệ đòi tiền gốc và lãi, đến tháng 11/2020 mới khởi kiện là vô lý. Trường hợp nguyên đơn có giấy tờ chứng minh số tiền 230.000.000 đồng đã được ký lại giấy mới thì bà sẽ yêu cầu các con trả nợ, nếu không xuất trình được giấy nợ mới bà không đồng ý trả nợ, đồng thời bà N có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Vương Thị Tuyết T và Vương Thị Tuyết X trình bày: Bà T, bà X là con của ông T, ông T chết tháng 7/2020. Sau khi ông T chết gia đình chưa thực hiện thủ tục phân chia di sản thừa kế. Việc ông T có vay tiền của ông Thanh hay không thì bà T và bà X không biết vì ông T vay tiền để sử dụng cá nhân ông T. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà T, bà X có ý kiến như sau: Khoản vay theo đơn kiện đã hết thời gian 04 năm từ ngày 01/10/2019 và trong suốt thời gian này nguyên đơn không liên hệ đòi tiền gốc và lãi, đến tháng 11/2020 mới khởi kiện là vô lý. Trường hợp nguyên đơn có giấy tờ chứng minh số tiền 230.000.000 đồng đã được ký lại giấy mới thì các đồng thừa kế của ông T sẽ thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Bà T và bà X có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Mai Thị Thảo Quyên trình bày: Bà và ông Vương Thanh S kết hôn năm 2006, bà không biết gì việc ông Vương

Văn T có vay tiền của ông Thanh, bà cũng không nghe ông S nói gì về số tiền vay. Bà Quyên xác định không liên quan trong vụ án này, bà Quyên có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

+ Về tố tụng: Quá trình tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến trước khi khai mạc phiên tòa, Thẩm phán đã tiến hành đúng và đầy đủ các quy định về thủ tục tố tụng được quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án được đưa ra xét xử đúng thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định tại Điều 203 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định tại chương XIV của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Những người tham gia tố tụng: Các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, diễn biến tại phiên tòa thì yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định.

Ngoài ra, Kiểm sát viên không kiến nghị gì thêm.

NHẬN ĐỊNH TÒA ÁN:

[1]. *Về tố tụng:*

[1.1]. *Về quan hệ pháp luật*: Ngày 16/11/2020, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn Vương Thanh S trả số tiền 200.000.000 đồng theo tờ cam kết ghi ngày 29/9/2015 và 30.000.000 đồng vào ngày 29/10/2015 do ông Vương Văn T (cha bị đơn) vay của ông Nguyễn Huy Thanh (cha của nguyên đơn). Ngày 25/7/2020 ông Vương Văn T chết, do đó Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và thực hiện nghĩa vụ về tài sản do người chết để lại" theo quy định tại Điều 463, Điều 615 của Bộ luật Dân sự và là loại tranh chấp hợp đồng dân sự được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[1.2]. *Về thẩm quyền giải quyết*: Bị đơn ông Vương Thanh S có địa chỉ tại phường Thuận Giao, thành phố Thuận An. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự thì đây là vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

[1.3]. *Về việc tham gia phiên tòa của các đương sự*: Quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn D, bà Trần Thị T, bà Lê Kim H, bà Nguyễn Thanh T, bà Lê Ánh N, bà Vương Thị Tuyết X, bà Vương Thị Tuyết T và bà Mai Thị Thảo Quyên có đơn xin giải quyết vắng mặt. Căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

Đối với người làm chứng ông Lưu Tấn Thông: Do ông Vương Thanh S người ký tên tại vị trí đồng thừa kế trả nợ thừa nhận có việc vay tiền giữa ông

Thanh và ông T. Do đó, không cần thiết phải triệu tập ông Lưu Tấn Thông vào tham gia tố tụng với tư cách người làm chứng trong vụ án.

[1.4]. *Về yêu cầu của đương sự tại phiên tòa*: Theo đơn khởi kiện nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn trả số tiền 200.000.000 đồng theo tờ cam kết ghi ngày 29/9/2015 với tư cách người trả nợ thay. Ngoài ra, nguyên đơn yêu cầu người thừa kế của ông T liên đới trả số tiền 30.000.000 đồng do ông Vương Văn T vay của ông Nguyễn Huy Thanh. Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn thay đổi yêu cầu về người trả nợ, cụ thể: Nguyên đơn yêu cầu những người thừa kế của ông T có trách nhiệm liên đới trả nợ 230.000.000 đồng theo tờ cam kết ngày 29/9/2015 và ngày 29/10/2015.

Xét thấy, việc người đại diện hợp pháp của nguyên đơn thay đổi chủ thể trả nợ. Việc thay đổi này không vượt quá chủ thể khởi kiện ban đầu. Căn cứ khoản 1 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1]. Đối với số tiền vay 200.000.000 đồng tại tờ cam kết ngày 29/9/2015: Bị đơn ông Vương Thanh S, đồng thời là người ký tên trong tờ cam kết thừa nhận có sự việc ông T vay tiền của ông Thanh (BL 29, 30 và 32). Ngoài ra, tại phiên đối chất ngày 07/01/2021 ông S thừa nhận ông T có nhận tiền từ ông Thanh và ông S biết rõ về nội dung tờ cam kết (BL 75,76). Như vậy, lời thừa nhận của bị đơn là chứng cứ không cần phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Do đó, có căn cứ xác định ngày 29/9/2015, ông Vương Văn T có vay của ông Nguyễn Huy Thanh số tiền 200.000.000 đồng.

[2.2]. Đối với số tiền vay 30.000.000 đồng vào ngày 29/10/2015: Xét, do ông Thanh (người cho mượn), ông Vương Văn T (người mượn) đều đã chết. Tòa án đã tiến hành thủ tục đối chất nhưng nguyên đơn và bị đơn đều là những người thừa kế của người cho mượn và người mượn. Do đó, việc đối chất đối với số tiền 30.000.000 đồng là không thể thực hiện được. Quá trình làm việc bị đơn ông Vương Thanh S thừa nhận chữ ký bên mượn Vương Văn T chính là chữ ký tên của ba ông trước đây. Do ông S xác định chữ ký bên người mượn chính là của ông Vương Văn T, ông S không yêu cầu giám định chữ ký này. Do đó, Tòa án không thực hiện thủ tục giám định chữ ký tên của ông Vương Văn T trong nội dung vay ngày 29/10/2015. Ngoài ra, đại diện nguyên đơn cam kết chữ ký bên người mượn tiền là của ông Vương Văn T. Do đó, có cơ sở xác định ngoài số tiền 200.000.000 đồng tại tờ cam kết ngày 29/9/2015 thì ông T còn vay của ông Thanh số tiền 30.000.000 đồng vào ngày 29/10/2015. Bị đơn ông Vương Thanh S, những người thừa kế của ông T cho rằng: trước khi chết ông T đã trả đủ số tiền vay cho ông Thanh. Tuy nhiên, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan (bà X, bà T) không đưa ra chứng cứ chứng minh cho việc ông T đã thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ cho ông Thanh. Những người thừa kế của ông Thanh cũng không thừa nhận có việc ông T đã trả đủ tiền cho ông Thanh. Do đó, không có căn cứ chứng minh ông T đã trả cho ông Thanh số tiền đã vay.

Từ phân tích trên xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận.

[2.3]. Đối với số tiền lãi theo thỏa thuận tại tờ cam kết ngày 29/9/2015 và tiền lãi ghi nhận ngày 29/10/2015. Xét, do các đương sự không yêu cầu Tòa án xem xét việc trả lãi trong quá trình vay và cũng không có căn cứ xác định việc trả lãi của ông T cho ông Thanh theo tờ cam kết. Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn không yêu cầu tính lãi và việc không yêu cầu tính lãi của nguyên đơn là có lợi cho bị đơn. Do đó, Tòa án ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn về việc không yêu cầu tính lãi.

[2.4]. Về nghĩa vụ trả nợ: Tại phiên tòa đại diện nguyên đơn yêu cầu những người thừa kế của ông T có trách nhiệm liên đới trả số tiền 230.000.000 đồng. Xét, di sản của ông T chết để lại là quyền sử dụng đất số T196035, số vào sổ 01716QSDĐ/TG do Ủy ban nhân dân huyện Thuận An cấp ngày 19/12/2001 cho ông Vương Văn T. Bà N và ông T ly hôn năm 2015, ông Vương Văn T chết năm 2020, hàng thừa kế thứ nhất của ông T gồm: ông Vương Thanh S, bà Vương Thị Tuyết X và bà Vương Thị Tuyết T. Ông T chết không để lại di chúc, quyền sử dụng đất cũng chưa được xem xét phân chia khi ông T và bà N ly hôn, đồng thời, những người thừa kế của ông T xác định chưa thực hiện thủ tục phân chia di sản thừa kế. Do yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận, vì vậy cần buộc những người thừa kế của ông Vương Văn T là ông Vương Thanh S, bà Vương Thị Tuyết X, bà Vương Thị Tuyết T có trách nhiệm liên đới trả cho ông Nguyễn Thanh Đ (đại diện hàng thừa kế của ông Nguyễn Huy Thanh) số tiền gốc ông Vương Văn T còn nợ là 230.000.000 đồng.

[2.5]. Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Ánh N: Xét, ngày 29/9/2015 và ngày 29/10/2015, ông T vay của ông Thanh tổng cộng số tiền là 230.000.000 đồng. Ông Vương Văn T và bà Lê Ánh N ly hôn ngày 09/12/2015. Như vậy, tại thời điểm ông T vay tiền của ông Thanh thì quan hệ hôn nhân giữa bà N và ông T đang còn tồn tại. Tuy nhiên, việc vay tiền của ông T bà N không biết và bà N cũng không ký tên trong tờ cam kết. Do đó, bà N không có nghĩa vụ trả nợ đối với khoản vay ông T đã vay của ông Thanh.

Từ phân tích trên có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Thanh Đ về số tiền ông T đã vay của ông Nguyễn Huy Thanh vào ngày 29/9/2015 và ngày 29/10/2015.

Về lãi suất: Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn về việc không yêu cầu tính lãi.

[3]. Tại tòa, quan điểm phát biểu nội dung vụ án của Kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4]. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên ông Vương Thanh S, bà Vương Thị Tuyết X, bà Vương Thị Tuyết T phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu của ông Nguyễn Thanh Đ được Tòa án chấp nhận, cụ thể 230.000.000 đồng x 5% = 11.500.000 đồng.

Hoàn trả cho ông Nguyễn Thanh Đ số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 227, 228, 244, 266, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 357, 463,466 và khoản 1, 2 Điều 615 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Thanh Đ về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và thực hiện nghĩa vụ về tài sản do người chết để lại" đối với bị đơn ông Vương Thanh S và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Vương Thị Tuyết X, bà Vương Thị Tuyết T.

Buộc ông Vương Thanh S, bà Vương Thị Tuyết T, bà Vương Thị Tuyết X có trách nhiệm liên đới trả cho ông Nguyễn Thanh Đ (đại diện hàng thừa kế của ông Nguyễn Huy Thanh) số tiền gốc ông Vương Văn T còn nợ là 230.000.000 đồng (hai trăm ba mươi triệu đồng) theo tờ cam kết ngày 29/9/2015 và ngày 29/10/2015.

Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn về việc không yêu cầu tính lãi.

Ông Vương Thanh S, bà Vương Thị Tuyết T, bà Vương Thị Tuyết X chỉ phải thực hiện nghĩa vụ tài sản (kể cả tiền án phí) tương ứng với phần tài sản đã nhận từ di sản của ông Vương Văn T.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thanh toán số tiền nêu trên thì người phải thi hành án còn phải trả cho người được thi hành án khoản tiền lãi bằng mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Ông Vương Thanh S, bà Vương Thị Tuyết X, bà Vương Thị Tuyết T phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền 11.500.000 đồng (mười một triệu năm trăm nghìn đồng).

2.2. Hoàn trả cho ông Nguyễn Thanh Đ số tiền 5.750.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0053311 ngày 03/12/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thuận An.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND Tp. Thuận An;
- CCTHADS Tp. Thuận An;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

Võ Thị Thu Thảo